

Số: 01/2025/QĐST-KDTM

Hoàng Su Phì, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 144, 147, 157, 158, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 8, Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành được lập ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Huyện H1, tỉnh Hà Giang (*Theo Giấy ủy quyền số 21-UQ/NHNo.HSP-TTDS ngày 13/01/2024 của ông Nguyễn Hải Ng – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Giang*).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968 và ông Chu Văn Ng, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Tổ 05, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Địa chỉ cư trú hiện nay: Thôn Tr, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông Ng: Ông Chu Văn Th. Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/6/2025 tại UBND thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn Ngân hàng N và đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn Ng thống nhất số tiền bà L, ông Ng còn nợ lại Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 8208-LAV-202400616 ngày 16/8/2024 tính đến ngày 10/6/2025 là 1.269.242.094đ (*Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi tư đồng*). Bao gồm số tiền gốc là 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), tổng số tiền lãi là 69.242.094đ (*Sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi tư đồng*). Trong đó lãi trong hạn là 51.698.630đ (*Năm mươi một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng*), lãi quá hạn là 15.928.767đ (*Mười lăm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), lãi chậm trả là 1.614.697đ (*Một triệu sáu trăm mười bốn nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng*).

2.2. Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn Ng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 1.269.242.094đ (*Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi tư đồng*) cho nguyên đơn Ngân hàng N. Thời hạn và phương thức thanh toán chậm nhất đến ngày 31/10/2025 ông Ng, bà L phải liên đới thanh toán trực tiếp toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng N.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 10/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn Ng có vi phạm về việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngân hàng theo thỏa thuận thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1653 ngày 14/04/2023 là 01 thửa đất thuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Chu Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, số phát hành: BR 705545; số vào sổ cấp GCN: CH 00888, do UBND huyện H cấp ngày 09/04/2015. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2025, hiện trạng tài sản bảo đảm gồm:

Về hiện trạng thửa đất: Đất thuộc thửa số 186, tờ bản đồ số 1A, có diện tích 80m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT), do ông Chu Văn Ng và bà Nguyễn Thị L quản lý và sử dụng; địa chỉ thửa đất tại tổ 05, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có các phía tứ cận giáp ranh như sau:

- Cạnh phía Đông: Giáp nhà hộ bà Nguyễn Văn A.

- Cạnh phía Tây: Giáp nhà hộ ông Phạm Xuân H.
- Cạnh phía Nam: Giáp mặt đường Trục phụ Bãi san vật tư.
- Cạnh phía Bắc: Giáp với rãnh nước.

Về tài sản gắn liền với đất: Gồm 01 ngôi nhà cấp IV được xây dựng năm 2015 trên toàn bộ thửa đất số 186, tờ bản đồ số 1A, có kết cấu bằng bê tông cốt thép, kết cấu ngôi nhà gồm: 01 tầng và 01 gác lửng.

- Tầng một có kết cấu xây dựng bằng bê tông cốt thép, có diện tích là 73,6m², chiều rộng là 4m, chiều dài là 18,4m. Công năng sử dụng gồm 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 nhà vệ sinh, 01 phòng khách, bên ngoài có mái hiên.

- Gác lửng có kết cấu xây dựng bằng bê tông cốt thép, có diện tích là 44,8m², chiều dài là 11,2m, rộng là 4m, gồm có 01 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh và 01 phòng thờ.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền với đất kèm theo).

2.4. Về giá trị tài sản bảo đảm: Nguyên đơn Ngân hàng N và đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn Ng cùng thống nhất tài sản bảo đảm có giá trị là 1.440.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) theo Biên bản về việc thỏa thuận giá trị tài sản thế chấp ngày 11/6/2025 tại Trụ sở UBND thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang.

2.5. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch được trả lại cho ông Chu Văn Ng và bà Nguyễn Thị L. Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản bảo đảm. Ông Chu Văn Ng và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), đã thi hành xong.

2.7. Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng N có nghĩa vụ chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 12.519.000đ (*Mười hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*); đồng bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Chu Văn Ng có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 12.519.000đ (*Mười hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*).

Trả lại Ngân hàng N số tiền 11.911.000đ (*Mười một triệu chín trăm mười một nghìn đồng*) tiền chênh lệch án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004395, ngày 25/4/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh